

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/DSST

Ngày : 11/9/2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-DS ngày 24/5/2018, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐST-DS ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M - Sinh năm: 1973.

Trú tại: Số 251 Đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Anh T – sinh năm: 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 110 đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ - Sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị C – sinh năm: 1965.

Trú tại: Thôn 3, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Tạ Ngọc T – sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Anh T trình bày:

Bà Trần Thị M có cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Cách đây khoảng 03 năm, vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C có thuê ao nuôi cá tại xã Ea Kao, Tp.Buôn Ma Thuột. Trong quá trình chăn nuôi cá, vợ chồng ông Đ và bà C có mua cám cá của bà Trần Thị M làm nhiều đợt. Đến ngày 02 tháng 7 năm 2017, giữa hai bên có đối chiếu và xác nhận nợ với nhau. Theo đó, vợ chồng ông Đ và bà C còn nợ lại số tiền cám của bà Trần Thị M là 87.900.000 đồng. Về thời gian trả thì hai bên chưa thống nhất. Tuy nhiên, sau khi chốt nợ bà Trần Thị M đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C thanh toán số tiền còn nợ lại nhưng cho đến nay thì vợ chồng ông Đ, bà C chưa thanh toán được khoản tiền nào.

Nay bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C trả số tiền 87.900.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị C trình bày: Cách đây khoảng 03 năm, vợ chồng ông bà là Lê Văn Đ và Lý Thị C có thuê ao nuôi cá tại xã Ea Kao, Tp.Buôn Ma Thuột. Trong quá trình chăn nuôi cá, ông bà có mua cám cá của bà Trần Thị M. Các lần mua cám đều đã trả đủ cho bà M. Tuy nhiên, về sau này việc chăn nuôi cá không được thuận lợi vì phải phụ thuộc vào nguồn nước của nương thủy lợi hồ Ea Kao. Có thời gian Công ty thủy nông đóng cửa nương để nạo vét lòng nương dẫn đến ao cá nuôi bị thiếu nước và chết nhiều đã làm cho điều kiện kinh tế gặp khó khăn và bị thua lỗ. Do đó, đợt cám cuối cùng vợ chồng ông, bà chưa thanh toán được hết cho bà M. Đến ngày 02 tháng 7 năm 2017, các bên có đối chiếu và xác nhận nợ với nhau. Theo đó, vợ chồng ông, bà còn nợ lại số tiền cám của bà Trần Thị M là 87.900.000 đồng. Về thời gian trả thì hai bên chưa thống nhất được.

Sau khi đối chiếu công nợ xong cho đến nay thì ông Đ và bà C chưa thanh toán được khoản tiền nào.

Nay bà Trần Thị M khởi kiện thì ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C đồng ý trả số tiền 87.900.000 đồng nhưng xin trả dần vì điều kiện gia đình hiện đang khó khăn. Về lãi suất, xin không tính lãi suất nữa.

Người làm chứng ông Tạ Ngọc T trình bày: Tôi là em rể của bà Trần Thị M. Từ năm 2006 đến năm 2018 tôi làm thuê tại cơ sở cám của bà M. Trong thời gian làm việc, bà M có nhờ tôi đối chiếu và xác nhận cộng nợ giữa bà M với những

người mua nợ cảm. Do vậy, vào ngày 02/7/2017 tôi có tiến hành lập biên bản đối chiếu và xác nhận với ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C xác nhận công nợ là số tiền 87.900.000 đồng. Về thời gian trả thì giữa ông Đ, bà C và bà M thống nhất thỏa thuận sau. Sau khi lập xong biên bản tôi có ký vào giấy phần bên cho nợ. Số tiền này là ông Đ và bà C còn nợ lại của bà Trần Thị M.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Quá trình làm ăn, ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C có thực hiện việc mua bán thức ăn cho cá với bà Trần Thị M. Quá trình mua bán, ông Đ và bà C còn nợ lại của bà M số tiền là 87.900.000 đồng. Bà Trần Thị M yêu cầu buộc ông Đ và bà C có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 87.900.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX: Áp dụng: Điều 430, 440 Bộ luật dân sự . Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C trả số tiền 87.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp mua bán”, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời khai nhận của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chăn nuôi cá, ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C có mua bán thức ăn cho cá của bà Trần Thị M và các bên thừa nhận còn nợ lại số tiền là 87.900.000 đồng theo biên bản đối chiếu và xác nhận nợ ngày 02/7/2017. Xét việc thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434 của Bộ luật dân sự. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Đ và bà Lý Thị C thanh toán số tiền còn nợ lại là 87.900.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Về phần lãi suất: Bà Trần Thị M không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Lý Thi C phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 430, 440 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M.

Buộc ông Lê Văn Đ và bà Lý Thi C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M số tiền nợ gốc là 87.900.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án

- Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.353.000 đồng theo biên lai số 0003875 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột

Bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Lý Thi C phải chịu 4.395.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

Nguyễn Thị Hải An